

Bản án số: 116/2020/DS -ST
Ngày: 08-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài
sản và hợp đồng thuê tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Vũ Thị Hiệp

2/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6,
Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST- DS ngày 17 tháng 3 năm 2020 về “ Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2020/QĐST-HPT ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Kim T, sinh năm: 1970; địa chỉ: 958/53 đường A, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của nguyên đơn: Bà Văn Thị Thu H, sinh năm: 1997 (có mặt) hoặc bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1997 (bà H có đơn xin xét xử vắng mặt); cùng địa chỉ liên lạc: 185 đường L, Phường G, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền số: 000663, quyền số 06-SCT/CK, ĐC ngày 10/6/2020 do Văn phòng công chứng N chứng nhận).

- *Bị đơn:* Ông Lý Quang T, sinh năm: 1979; địa chỉ: 373 đường Đ, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ: 21 đường C, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q: ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1978 và ông Nguyễn Văn T; Cùng địa chỉ liên lạc: Lầu 5, số 538 đường M, Phường K, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo

văn bản ủy quyền số: 4381/UQ-MBAMC ngày 23/6/2020) (ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2020, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay bà Văn Thị Thu H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 22/01/2018 ông Lý Quang T có cho bà Hồ Thị Kim T thuê chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu HEACE, số loại UNIVERSE K43G-H380, biển số 51B-250.14, số máy: P11CURP53183, số khung RLP1KMG4BHH00019 do ông Lý Quang T là chủ sở hữu với giá thuê xe là 27.000.000 đồng/tháng, hai bên không làm hợp đồng thuê xe. Đồng thời, ông T có vay của bà T số tiền là 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) với lãi suất là 3%/tháng. Ngày 01/03/2018 bà T đã giao trước cho ông T số tiền vay là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng), việc vay mượn hai bên cũng không làm giấy tờ cho vay.

Tuy nhiên, sau đó thì bà T và ông T đã thỏa thuận lại với nhau là chuyển đổi khoản tiền mà ông T vay của bà T với số tiền là 900.000.000 đồng thành tiền cầm cố chiếc xe ô tô nêu trên, không tính lãi suất. Do tại thời điểm này thì chiếc xe khách biển số 51B-250.14 ông T đang thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q –chi nhánh Đ để đảm bảo cho khoản vay của ông T nên bà T và ông T không thể đến phòng công chứng để ký hợp đồng thuê xe được. Vì vậy, vào ngày 07/4/2018 ông T và bà T đã lập văn bản thỏa thuận về việc cố xe ô tô bằng giấy tay. Tại biên bản thỏa thuận cố xe ô tô đã thể hiện ngày 01/3/2018 bà T đã giao cho ông T số tiền là 800.000.000 đồng, ngay sau khi ký thỏa thuận thì bà T sẽ giao tiếp cho ông T số tiền là 100.000.000 đồng. Thời gian thuê xe là 03 (ba) năm, giá thuê xe là 7.000.000 đồng/tháng, số tiền thuê xe hàng tháng sẽ căn trừ dần vào số tiền cố xe mà ông T đã nhận. Ông T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng và đóng tiền bảo hiểm cho xe ô tô. Cùng ngày, 07/4/2018 bà T đã giao tiếp cho ông T số tiền 100.000.000 đồng, việc giao nhận số tiền này hai bên có nhờ Văn phòng Thừa phát lại quận B lập vi bằng.

Tại đơn khởi kiện bà Hồ Thị Kim T có trình bày là vào ngày 08/8/2018 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q - Chi nhánh Đ đã tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô biển số 51B-250.14 của ông T đang do bà T quản lý, sử dụng là không chính xác. Sau khi hỏi kỹ lại bà T thì bà T có trình bày lại như sau: Đến khoảng tháng 8/2018 thì giấy đi đường của chiếc xe ô tô nêu trên bị hết hạn nên bà T đã liên hệ với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q – chi nhánh Đ để xin gia hạn giấy đi đường. Tuy nhiên, Ngân hàng không gia hạn do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Bà T cũng không liên lạc được với ông T. Vì vậy, bà T đã đem chiếc xe ô tô nêu trên để ở bãi đất trống tại huyện H, tỉnh L. Khi để xe ở bãi đất trống này thì bà T cũng không gửi chiếc xe ô tô trên cho ai trông coi và bà T cũng không còn quan tâm gì đến chiếc xe ô tô này nữa. Ngân hàng thu giữ chiếc xe ô tô biển số 51B- 250.14 vào thời gian nào thì bà T cũng không biết. Khi bà T cầm và thuê chiếc xe trên của ông T thì lúc đó hai bên không làm biên bản giao nhận xe nhưng hiện trạng xe khi bà T nhận thì cũng đã sử dụng không còn tốt, bà T cũng đã phải bỏ chi phí vài trăm triệu để sửa chữa xe. Thời điểm bà T để lại chiếc xe trên tại bãi đất trống ở huyện H, tỉnh L thì hiện trạng xe lúc đó cũng đã bị hư

hỏng, lốp xe đã bị mòn hết và do trong quá trình vận hành xe thì xe có xảy ra va chạm nên xe có bị trầy xước, móp méo một số chỗ.

Thực tế bà T chỉ sử dụng xe chiếc xe ô tô trên từ ngày 05/02/2018 đến tháng 8/2018 là 06 tháng vì lúc này giấy đi đường đã hết và xe cũng bị hư hỏng đồng thời bà T cũng không liên lạc được với ông T nên bà T chưa thanh toán tiền thuê xe cho ông T với số tiền thuê xe bà T còn thiếu của ông T là 42.000.000 đồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên chấm dứt văn bản thỏa thuận cổ xe ô tô lập ngày 07/4/2018 giữa bà T và ông T. Bà T chỉ đồng ý trả tiền thuê xe còn thiếu cho ông T là 42.000.000 đồng vì từ sau tháng 8/2018 thì bà T không sử dụng xe ô tô khách trên nữa. Đồng thời yêu cầu ông Lý Quang T phải trả lại cho bà T số tiền cầm cố là: 900.000.000 đồng. Sau khi trừ hai khoản tiền trên thì ông T còn phải trả lại cho bà T số tiền là 858.000.000 đồng

- Bị đơn ông Lý Quang T vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Tại bản tự khai ngày 02/7/2020, 03/9/2020 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q do ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 27/10/2017 ông Lý Quang T ký hợp đồng cho vay số 695093.17.282.3374682.TD với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (sau đây viết tắt là ngân hàng) để vay số tiền là 2.900.000.000đ (Hai tỷ chín trăm triệu đồng). Tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô hiệu HAECO UNIVERSE K43G H380, biển kiểm soát: 51B-250.14, số máy: P11CURP53183, số khung RLP1KMG4BHH00019 thuộc quyền sở hữu của ông T theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông/ xe máy chuyên dùng hình thành trong tương lai số 695096.17.282.3374682.BĐ ngày 27/10/2017, tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Việc cầm cố chiếc xe ô tô đang là tài sản thế chấp tại Ngân hàng giữa bà T và ông T khi chưa có sự đồng ý của Ngân hàng là không đúng quy định của pháp luật. Sau khi nhận tiền vay thì ông Lý Quang T đã không trả vốn và lãi cho Ngân hàng như cam kết vì vậy khoản nợ của ông T tại Ngân hàng đã phát sinh nợ xấu. Theo quy định của pháp luật về thế chấp, bảo lãnh cũng như thỏa thuận tại hợp đồng thế chấp đã ký kết, Ngân hàng bắt buộc phải xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 51B-250.14 để thu hồi khoản nợ vay của ông Lý Quang T. Qua quá trình theo dõi việc di chuyển của chiếc xe biển kiểm soát 51B-250.14 của ông Lý Quang T thì Ngân hàng phát hiện chiếc xe trên đang đậu ở bãi đất trống thuộc Tỉnh lộ 10, huyện H, tỉnh L hiện trạng chiếc xe bị tai nạn hư hỏng và mất một số bộ phận (thể hiện tại biên bản thu giữ ngày 29/8/2019). Vào ngày 04/10/20149 Ngân hàng đã bán đấu giá tài sản bảo đảm là chiếc xe ô tô biển kiểm soát 51B-250.14 để thu hồi một phần khoản nợ của ông Lý Quang T là đúng quy định của pháp luật về thế chấp tài sản. Ngân hàng đã xử lý bán đấu giá xong tài sản bảo đảm chiếc xe ô tô nêu trên nên Ngân hàng không còn liên quan đến chiếc xe trên nữa. Hiện, ông Lý Quang T vẫn còn dư nợ tại Ngân hàng, Ngân hàng sẽ khởi kiện ông Lý Quang T để thu hồi dư nợ vay còn lại trong một vụ án khác. Tranh chấp liên quan về số tiền giữa bà T và ông T là giao dịch giữa đôi bên, Ngân hàng không tham gia, không có liên quan nên không có ý kiến.

Phản phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: thỏa thuận giao tiền ngày 07/4/2018, thỏa thuận cố xe ô tô ngày 07/4/2018, vi bằng số 1868 ngày 07/4/2018 đủ cơ sở xác định ông T giao tài sản xe ô tô biển số 51B-250.14 và nhận tiền như bà T trình bày. Xét tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô biển số 51B-250.14 đã bị ông T thế chấp tại Ngân hàng Q thể hiện tại hợp đồng vay số 695093.17.282.3374682.TD và hợp đồng thế chấp số 695096.17.282.3374682.BĐ ngày 27/10/2017. Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 04/10/2019 Ngân hàng Q đã tiến hành đấu giá tài sản là xe ô tô nói trên để thu hồi nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì ông T đã đem tài sản thế chấp cố cho bà T để vay số tiền là 900.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi thực hiện cố chiếc xe trên thì ông T không thông báo cho bên nhận thế chấp là Ngân hàng biết là vi phạm quy định tại Điều 321 Bộ luật dân sự. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt thỏa thuận cố xe ô tô và buộc ông T trả lại tiền cố xe là 900.000.000 đồng là có căn cứ.

Về tiền thuê xe: Ngày 05/02/2018 bà T đã quản lý, sử dụng chiếc xe ô tô nêu trên, trong quá trình sử dụng xe đã để xảy ra tình trạng hư hỏng và bà T đã bỏ lại chiếc xe trên tại bãi đất trống ở huyện H, tỉnh L không có người trông coi. Bà T không cung cấp được giấy đi đường đã hết hạn nên không thể tiếp tục sử dụng xe, đồng thời bà T cũng không có chứng cứ chứng minh đã giao trả lại chiếc xe trên cho ông T. Do đó bà T phải trả tiền thuê xe cho ông T từ ngày 05/02/2018 đến ngày 29/8/2019 là 18 tháng 24 ngày x 7.000.000đ/tháng là 131.600.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tuyên bố chấm dứt thỏa thuận cố xe ô tô ngày 07/4/2018, buộc ông T trả cho bà T số tiền cố xe ô tô là: 900.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc trả cho ông T số tiền thuê xe là 42.000.000 đồng. Buộc bà T phải trả cho ông T số tiền thuê xe ô tô là: 131.600.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Tại thỏa thuận cố xe đề ngày 07/4/2017 thì ngoài việc bà T và ông T thỏa thuận cố xe ô tô thì hai bên còn thỏa thuận ông T cho bà T thuê lại chiếc xe ô tô biển số 51B-250.14. Như vậy, đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng cầm cố và thuê tài sản, ông Lý Quang T có địa chỉ tại số: 373 đường Đ, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2020 nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T đã ghi trên đơn khởi kiện địa chỉ của bị đơn ông Lý Quang T tại địa chỉ số: 373 đường Đ, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 6 không tổng đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T lý do ông Lý Quang T không còn cư trú tại địa chỉ mà bà T cung cấp. Theo kết quả xác minh ngày 21/5/2020 của Công an Phường M, Quận F thì ông Lý Quang T có hộ khẩu thường trú tại: 373 đường Đ, Phường M, Quận F. Hiện nay đã bán nhà đi khỏi địa phương, hiện ở đâu không rõ. Giao dịch giữa bà T và ông T được thể hiện tại thỏa thuận cổ xe ô tô đề ngày 07 tháng 4 năm 2017 và thỏa thuận giao nhận tiền ngày 07 tháng 04 năm 2018 đều thể hiện địa chỉ của ông T tại số 373 đường Đ, Phường M, Quận F. Như vậy, bà T đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông T, nhưng ông T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho bà T biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự, là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lý Quang T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Lý Quang T vẫn tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến. Điều này, chứng tỏ ông T đã “*không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu ...*” mà bên bà T và Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đưa ra. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do bà T và Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đưa ra có giá trị chứng minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Văn Thị Thu H trình bày bà T và ông T lập thỏa thuận cổ xe ô tô vào ngày 07/4/2018 nhưng đã ghi nhầm là ngày 07/4/2017. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào chứng cứ là giấy thỏa thuận giao nhận tiền ngày 07/4/2018 và nội dung hai bên thỏa thuận trong thỏa thuận cổ xe ô tô có cơ sở xác định ngày hai bên lập biên bản thỏa thuận cổ xe ô tô là ngày 07/4/2018

Theo thỏa thuận cổ xe ô tô giữa bà Hồ Thị Kim T và ông Lý Quang T thì hai bên thỏa thuận ông T cho bà T thuê quyền sở hữu xe ô tô khách nhãn hiệu HEACO, số loại UNIVERSE K43G-H380, biển số 51B-250.14, giá cổ xe là 900.000.000 đồng và tiền thuê xe là 7.000.000đồng/ tháng. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự thì chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu HEACO, số loại UNIVERSE K43G-H380, biển kiểm soát 51B-250.14, số máy P11CURP53183, số khung RLP1KMG4BHH000019 thuộc quyền sở hữu của ông Lý Quang T. Ngày 27/10/2017 ông T đã thế chấp chiếc xe ô tô trên cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông/xe máy chuyên dùng hình thành trong tương lai số 695096.17.282.3374682.BĐ ngày

27/10/2017 để đảm bảo cho khoản vay của ông T tại hợp đồng cho vay số 695093.17.282.3374682.TD ngày 27/10/2017 được ký kết giữa ông Lý Quang T với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q.

Theo nội dung trong đơn khởi kiện nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T trình bày ngày 08/8/2018 thì Ngân hàng TMCP Q đã thu giữ chiếc xe trên, hậu quả là bà T không thể tiếp tục được sử dụng chiếc xe nữa. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay thì bà Văn Thị Thu H là người đại diện theo ủy quyền của bà T xác nhận lời trình bày trước đây của bà T thể hiện trong đơn khởi kiện về thời gian Ngân hàng thu giữ chiếc xe ô tô nêu trên là chưa chính xác. Nay bà đại diện cho bà T xác định lại vào khoảng tháng 8/2018 thì bà T đã bỏ lại chiếc xe ô tô nêu trên tại bãi đất trống tại huyện H, tỉnh L không có ai trông coi và bà T cũng không biết Ngân hàng Thương mại cổ phần Q thực hiện việc thu giữ chiếc xe ô tô nêu trên vào thời gian nào.

Căn cứ vào chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp là Quyết định thu giữ tài sản bảo đảm ngày 21/8/2019 và biên bản thu giữ tài sản thì vào ngày 29/8/2019 Ngân hàng mới thu giữ tài sản bảo đảm là chiếc xe khách biển số 51B-250.14 do ông Lý Quang T là chủ sở hữu. Đồng thời tại biên bản thu giữ tài sản thể hiện tại thời điểm thu giữ thì chiếc xe nêu trên có hiện trạng bị hư hỏng như lớp bị vỡ, hầm chứa đồ bị bong không còn cửa và khung bao, hệ thống điều khiển, thiết bị điện tử bị mất, toàn bộ gương bị tháo..., xe không còn tính năng vận hành, khi thu giữ trên xe không có giấy tờ tài sản của bất kỳ ai. Tại phiên tòa hôm nay Người đại diện theo ủy quyền của bà T cũng thừa nhận khi bà T để lại chiếc ô tô nêu trên tại bãi đất trống và bà T cũng không nhờ ai trông coi xe, lúc đó xe cũng đã bị hư hỏng, lớp xe đã bị mòn hết và xe bị trầy xước, móp méo một số chỗ do trong quá trình vận hành xe có bị va chạm.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi ông T cố xe cho bà T thì xe vẫn còn vận hành được nhưng trong thời gian bà T quản lý sử dụng xe thì đã dẫn đến hư hỏng và xe không còn vận hành được. Bà T đã không tiến hành bảo quản, gìn giữ và sửa chữa xe mà đã bỏ lại chiếc xe nêu trên tại Tỉnh lộ 10, huyện H, tỉnh L không có ai trông coi và bà T cũng không ngó ngàng gì đến chiếc xe ô tô nêu trên nữa. Như vậy, bà T đã thiếu trách nhiệm trông việc bảo quản gìn giữ tài sản thuê và nhận cầm cố. Trong quá trình giải quyết vụ án do ông T vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T về vấn đề thiệt hại của chiếc xe bị hư hỏng trong thời gian bà T quản lý, sử dụng. Mặt khác, vào ngày 04/10/2019 Ngân hàng đã bán đấu giá thành công tài sản chiếc xe trên để thu hồi một phần khoản nợ vay của ông T. Do trong vụ án này không có ai tranh chấp về thiệt hại hư hỏng của chiếc xe ô tô nêu trên nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm ông T cố chiếc xe ô tô biển số 51B-250.14 cho bà Hồ Thị Kim T thì chiếc xe trên vẫn đang là tài sản thế chấp tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Khi nhận cố và thuê chiếc xe trên của ông T thì bà T cũng biết rõ tình trạng pháp lý của chiếc xe trên ông T đang thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của ông T tại Ngân hàng Quân Đội. Theo quy định tại điểm 4.2.6 Điều 4 của hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông/ xe máy chuyên dùng hình thành trong tương lai số 695096.17.282.3374682.BĐ ngày 27/10/2017 về quản lý, sử dụng tài sản thế chấp quy định “... Được cho thuê, cho

mượn tài sản thế chấp với điều kiện được sự đồng ý bằng văn bản của MB”. Như vậy, khi ông T cố xe cho bà T đã không thông báo cho Ngân hàng biết là không tuân thủ thỏa thuận đã ký kết với Ngân hàng vi phạm quy định tại Điều 321 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, vào ngày 29/8/2019 thì Ngân hàng đã thu giữ chiếc xe ô tô trên của ông T và vào ngày 04/10/2019 Ngân hàng đã bán đấu giá tài sản chiếc xe trên để thu hồi một phần khoản nợ vay của ông T. Bà T cũng không có tranh chấp gì về việc Ngân hàng thu giữ chiếc xe ô tô nêu trên. Như vậy, tài sản cho thuê và cầm cố là chiếc xe ô tô khách biển số 51B-250.14 đã bị Ngân hàng xử lý để thu hồi một phần khoản nợ vay mà ông T nợ Ngân hàng. Vì vậy thỏa thuận cố xe ô tô đề ngày 07 tháng 4 năm 2017 giữa ông Lý Quang T và bà Hồ Thị Kim T chấm dứt theo quy định tại Điều 315 Bộ luật dân sự.

[3] Về khoản tiền cố xe: Căn cứ vào thỏa thuận cố xe ô tô đề ngày 07 tháng 04 năm 2017, thỏa thuận giao nhận tiền ngày 07 tháng 04 năm 2018, vi bằng số 1868 ngày 07/4/2018 đủ cơ sở xác định ông T đã nhận của bà T số tiền cố xe ô tô khách biển kiểm soát 51B-250.14 tổng cộng là 900.000.000 đồng. Nay việc cố xe đã chấm dứt vì vậy ông T có trách nhiệm trả lại cho bà T số tiền cố xe là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng). Thời gian thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về khoản tiền thuê xe: tại thỏa thuận cố xe thì ông T và bà T đã thỏa thuận giá thuê xe là 7.000.000 đồng/ tháng. Khi hai bên bàn giao xe cho nhau thì không có biên bản bàn giao xe, theo nội dung trong biên bản cố xe có thể hiện “ ... *kể từ ngày bên bà T nhận bàn giao xe từ bên ông T (ngày 07/4/2018) ...* ”. Nhưng theo bà T thừa nhận thì ông T đã giao xe cho bà sử dụng thuê từ ngày 05/02/2018. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù người đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày là bà T chỉ sử dụng xe từ ngày 05/02/2018 đến tháng 8/2018 (06 tháng) do xe hết hạn đi đường và bị hư hỏng nên bà T không còn sử dụng chiếc xe ô tô trên nữa nhưng bà T đã không cung cấp được chứng cứ là giấy đi đường của chiếc xe ô tô trên đã hết hạn vào tháng 8/2018 và cũng không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện vào thời gian cụ thể nào thì bà T không còn sử dụng được chiếc xe ô tô nêu trên cho đến trước thời điểm Ngân hàng thu giữ. Đồng thời bà T cũng không chứng minh được đã bàn giao xe lại cho ông T nên bà T vẫn phải có trách nhiệm trả tiền thuê xe cho ông T cho đến ngày Ngân hàng thu giữ xe.

Như vậy, tiền thuê xe sẽ được bắt đầu tính từ ngày 05/02/2018 đến ngày ngân hàng thu giữ xe là ngày 29/8/2019 là: 18 tháng 24 ngày (18,8 tháng)

$18,8 \text{ tháng} \times 7.000.000\text{đ/ tháng} = 131.600.000\text{đ}$ (một trăm ba mươi một triệu, sáu trăm ngàn đồng)

Thời gian thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Như vậy, đối với yêu cầu của bà T chỉ đồng ý trả cho ông T 06 tháng tiền thuê xe (từ ngày 05/02/2018 đến ngày 08/8/2018) với số tiền 42.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí:

Ông Lý Quang T phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho bà Hồ Thị Kim T là: $36.000.000đ + 3\% (900.000.000đ - 800.000.000đ) = 39.000.000đ$ (Ba mươi chín triệu đồng)

- Bà Hồ Thị Kim T phải nộp án phí trên số tiền phải trả cho ông Lý Quang T là: $131.600.000đ \times 5\% = 6.580.000đ$ (Sáu triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 3 Điều 26; a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; điểm e khoản 1 điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 3 Điều 40, Điều 309, 315, 321, 472, 481 Bộ luật dân sự 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T:

1.1. Chấm dứt thỏa thuận cho thuê xe ô tô đề ngày 07 tháng 4 năm 2017 được ký kết giữa ông Lý Quang T và bà Hồ Thị Kim T.

1.2. Buộc ông Lý Quang T trả lại cho bà Hồ Thị Kim T số tiền cho thuê xe ô tô khách nhãn hiệu HEACO, số loại UNIVERSE K43G-H380, biển kiểm soát 51B-250.14, số máy P11CURP53183, số khung RLP1KMG4BHH000019 là 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) theo thỏa thuận giao nhận tiền đề ngày 07 tháng 4 năm 2018.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim T về việc chỉ trả tiền thuê xe ô tô khách nhãn hiệu HEACO, số loại UNIVERSE K43G-H380, biển kiểm soát 51B-250.14, số máy P11CURP53183, số khung RLP1KMG4BHH000019 còn thiếu cho ông Lý Quang T là 06 (sáu) tháng với số tiền là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

3. Buộc bà Hồ Thị Kim T trả cho ông Lý Quang T số tiền thuê xe ô tô khách nhãn hiệu HEACO, số loại UNIVERSE K43G-H380, biển kiểm soát 51B-250.14, số máy P11CURP53183, số khung RLP1KMG4BHH000019 là 131.600.000đ (một trăm ba mươi một triệu, sáu trăm ngàn đồng).

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1. Ông Lý Quang T phải nộp án phí 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng)

5.2. Bà Hồ Thị Kim T phải nộp án phí là 6.580.000đ (Sáu triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 18.870.000đ (mười tám triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0010106 ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 6. Bà Hồ Thị Kim T còn được nhận lại số tiền là: 12.290.000đ (mười hai triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng)

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn